

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03/12/2021
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Mông Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Giao, ông Phạm Quốc Trung

- Thư ký ghi phiên tòa: Bà Bùi Thái Bình- Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2021/TLST- HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2021, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đinh Văn T - sinh năm 1967

Địa chỉ: xóm S, xã Mông H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình- Có mặt.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1973

Địa chỉ: xóm Đ, xã Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình;

Bà Nghĩa vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Đinh Văn T nộp đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị N tại Tòa án nhân dân thành phố H. Trong đơn nêu nội dung ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N đăng kí kết hôn ngày 19/11/1994 tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, (nay là thành phố H), tỉnh Hòa Bình; Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có thời gian tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau được 10 năm, đến năm 2014 thì sống ly thân. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó xảy ra tình trạng luôn bất đồng quan điểm nên bà N đã bỏ về bên nhà bố mẹ đẻ từ năm 2014 cho đến nay, không quay lại lần nào nữa. Xác định thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải

Sau khi thụ lý đơn của ông T ,Tòa án đã tiến hành báo triệu tập đương sự, nhưng bà N liên tục vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại địa phương

Ông Nguyễn văn T1- trú quán tại xóm Đ, xã Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình là anh trai ruột của bà N cho biết: Bà N và ông T đã ly thân từ lâu. Khi bà N rời khỏi gia đình chồng trở về nhà, gia đình cũng có nếu không ở được với nhau thì ly hôn để giải thoát cho nhau. Hiện nay bà N không có ở nhà, thường xuyên đi làm ăn xa, địa chỉ chỗ làm ở đâu gia đình không biết . Vì còn mẹ già ở chung với ông T1 nên thỉnh thoảng bà N có về thăm gia đình. Gia đình chỉ gọi điện toại thông tin với bà N, các văn bản giấy tờ của Tòa án gửi tới gia đình không chuyển tới tay bà N được. Gia đình cũng đã nói qua điện thoại để bà N biết việc ông T xin ly hôn, phía bà N cũng bảo không muốn quay lại đoàn tụ nữa.

Ông Đinh Hải N – Trưởng xóm Đ, xã Q ,thành phố H, tỉnh Hòa Bình cung cấp thông tin: bà N đi làm xa không có mặt ở địa phương, cụ thể đi làm ở đâu tôi không biết . Giấy tờ của Tòa án gửi về địa phương không thể giao cho bà N được.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án số 256/TB-TLVA ngày 31/8/2021; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 22/10/2021. Do bà Nguyễn Thị N vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Đến nay bà N vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng ông T và bà N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, công nợ chung : ông T không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

Về án phí : căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 16/11/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận ông T tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Căn cứ vào các chứng cứ các tài liệu mà đương sự cung cấp; qua thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của các đương sự, của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Đinh Văn T xin ly hôn bà Nguyễn Thị N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm Đ, xã Q, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án : ông Đinh Văn T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, nay là thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Trước khi làm đơn ly hôn ông T và bà N đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Ông T xác định bà N không còn quan tâm đến gia đình ,tình cảm vợ chồng không còn , đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét đến thực trạng cuộc sống chung vợ chồng ông T và bà N từ khi xảy ra mâu thuẫn trong gia đình, bà N rời bỏ ông T trở về nhà mẹ đẻ, sau đó liên tục đi làm ăn xa, không quay lại chung sống với ông T nữa. Nay ông T xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên cần chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung : không có

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: ông T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; 227, Khoản 1 Điều 228; 233, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Đinh văn T.

1-Về quan hệ hôn nhân: ông Đinh Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Đinh Văn T tự nguyện nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 000 4490 ngày 30/8 /2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND TP. H, tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Chi cục THADS TP. H;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mông Thị Dung

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai.

HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN